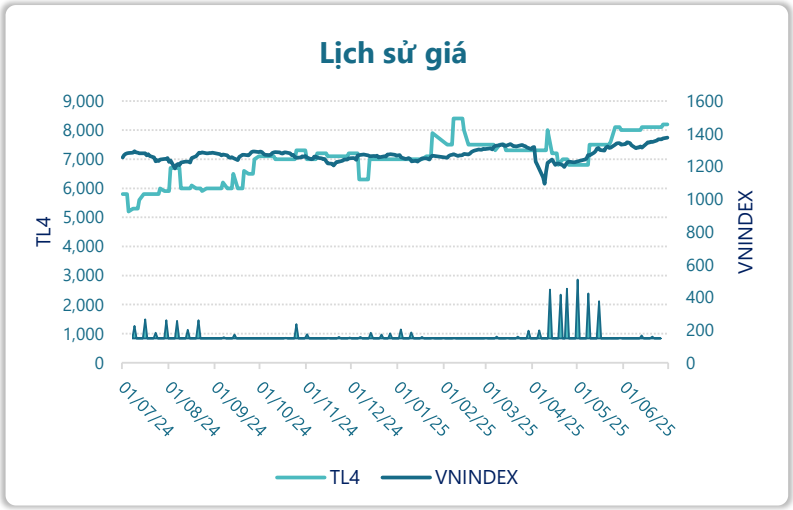
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (UPCOM: TL4)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	15,333,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,285
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
P/E	-5.8
EPS	-1,425

DT thuần

Q2/25

11.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.10| 1.3%

YoY: ▲ 2.02| 22.1%

LN sau thuế

Q2/25

-2.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.10| -266%

YoY: ▼23.4| -112%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-26.5%

+/- YoY: ▼ 257%

DT thuần

6T 2025

22.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.70| 51.0%

LN sau thuế

6T 2025

-1.03

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.7| -105%

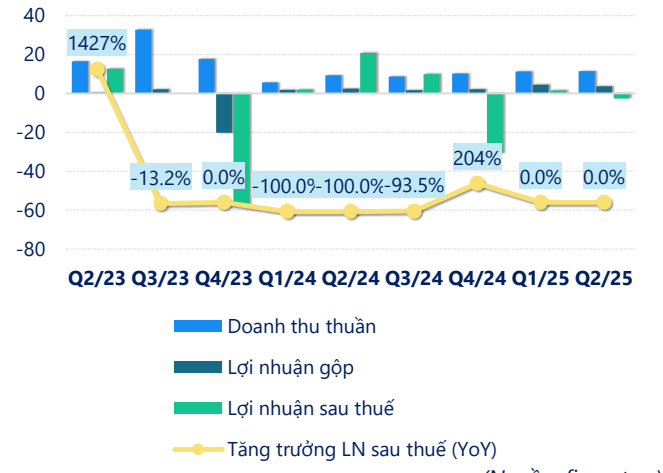
ROE

Q2/25

-11.5%

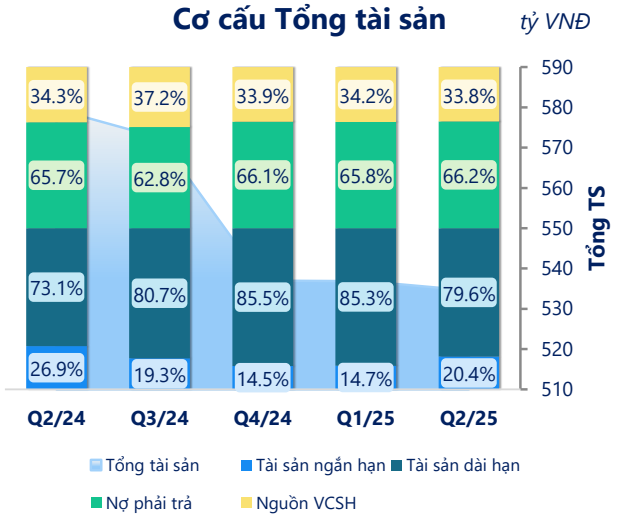
+/- YoY: ▲ 2.4%

Kết quả kinh doanh



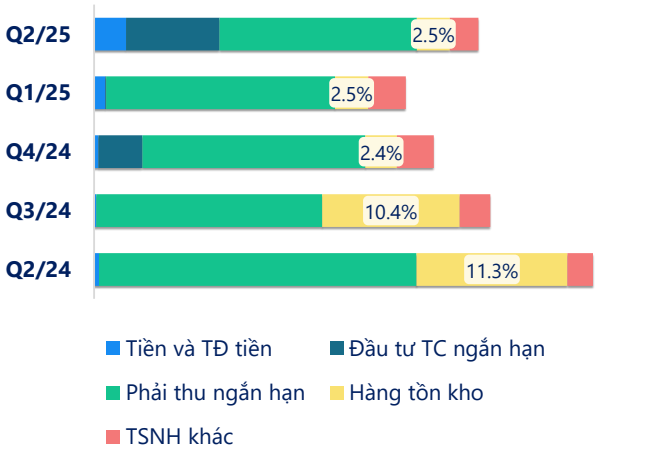
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



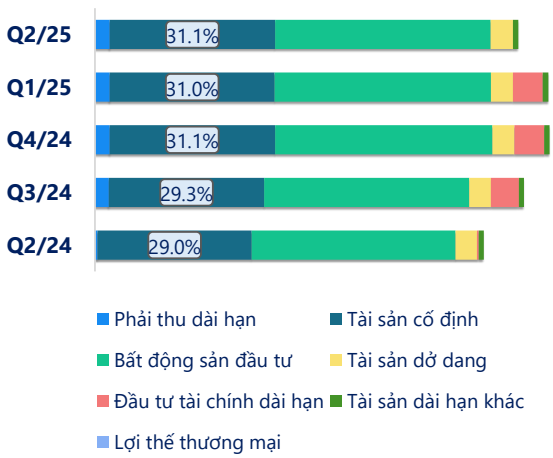
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



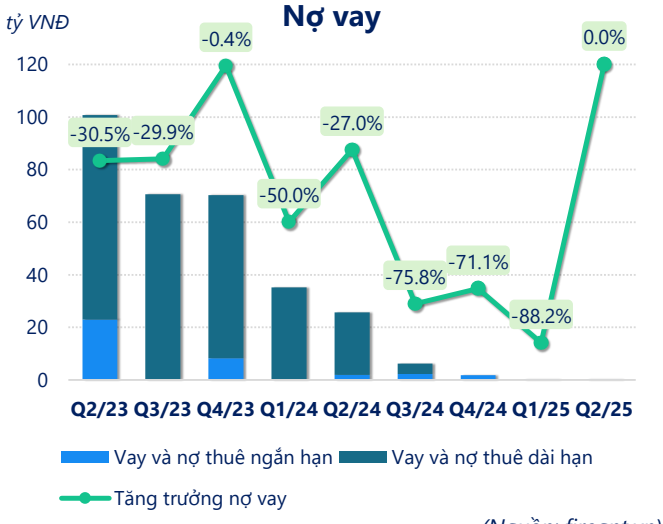
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



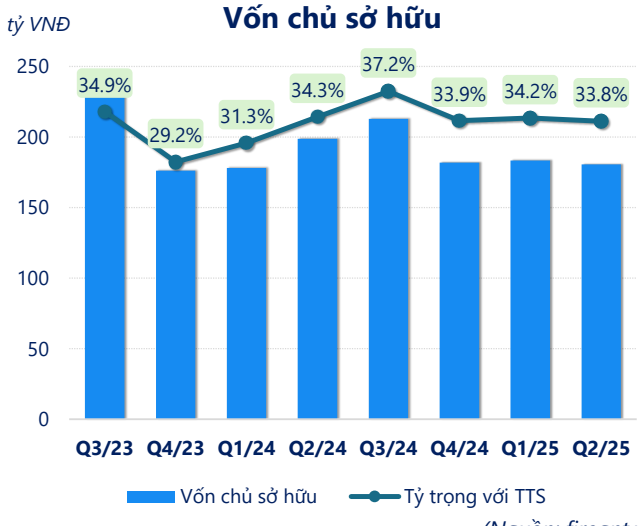
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



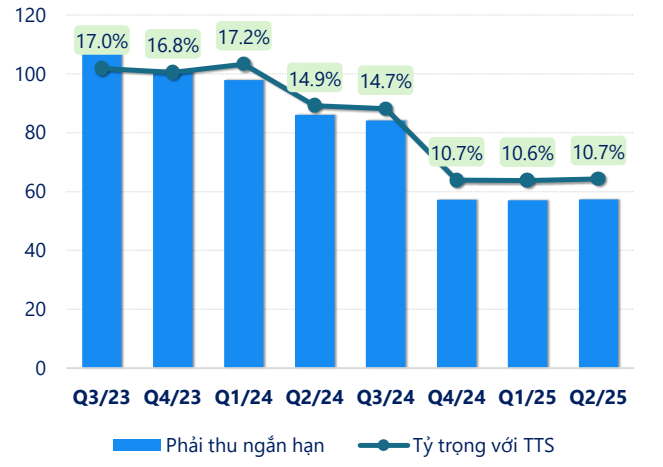
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



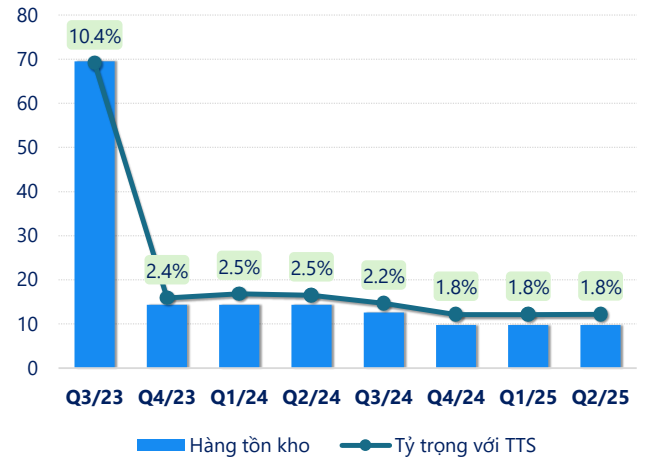
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



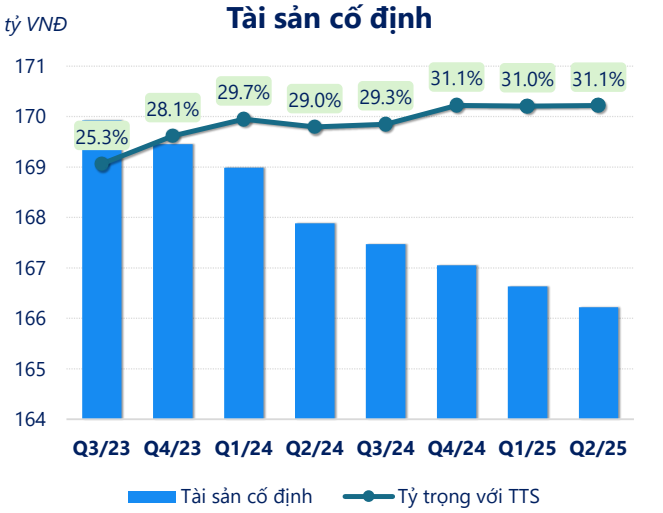
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



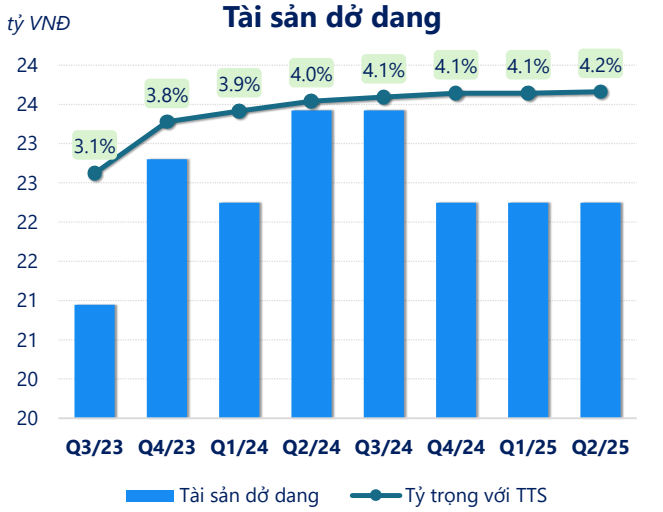
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



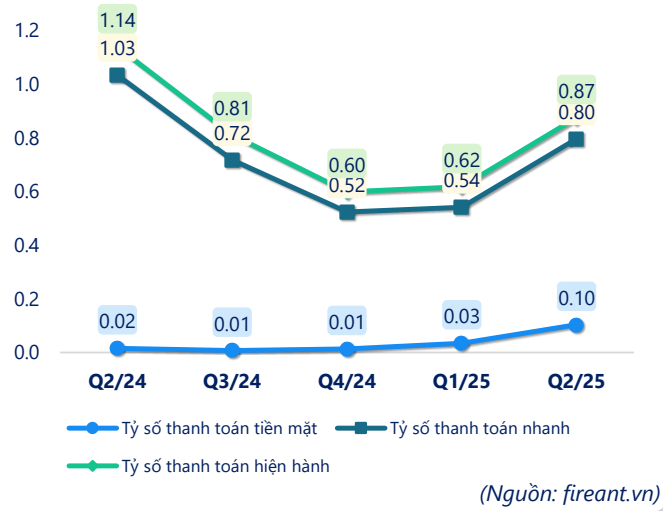
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



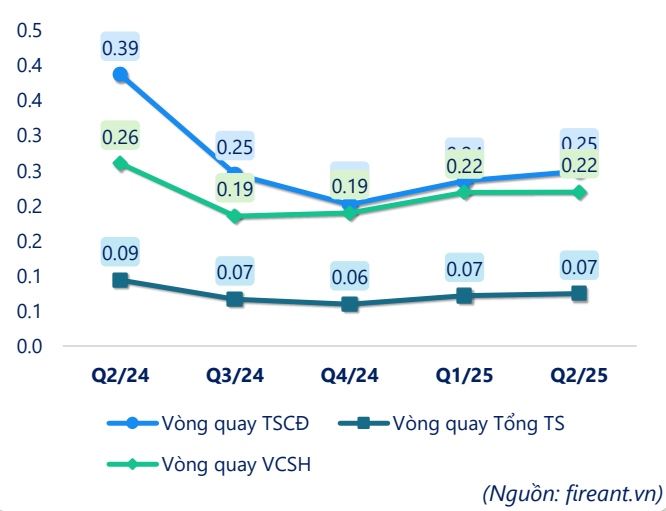
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**580**	**572**	**537**	**537**	**535**
Tài sản ngắn hạn	**156**	**111**	**77.8**	**79.1**	**109**
Tiền và tương đương tiền	2.19	0.99	1.78	4.46	12.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.7	0.66	0.66	0.28	22.0
Phải thu ngắn hạn	86.1	84.2	57.2	57.0	57.3
Hàng tồn kho	14.4	12.6	9.77	9.77	9.78
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	12.3	8.46	7.58	6.85
Tài sản dài hạn	**424**	**462**	**459**	**458**	**426**
Phải thu dài hạn	2.86	14.9	14.9	14.9	14.9
Tài sản cố định	168	167	167	167	166
Bất động sản đầu tư	222	221	220	218	217
Tài sản dở dang	23.4	23.4	22.2	22.2	22.2
Đầu tư tài chính dài hạn	1.97	30.0	30.0	30.0	0
Tài sản dài hạn khác	5.35	5.35	5.44	5.60	5.56
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**381**	**360**	**355**	**354**	**354**
Nợ ngắn hạn	**137**	**137**	**130**	**128**	**124**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.87	2.21	1.80	0.21	0.21
Phải trả người bán ngắn hạn	77.0	76.0	73.2	73.2	73.0
Nợ dài hạn	244	223	225	225	229
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	4.00	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**199**	**213**	**182**	**183**	**181**
Vốn chủ sở hữu	**199**	**213**	**182**	**183**	**181**
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)